

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 61/TTr-UBND

Bắc Giang, ngày 31 tháng 3 năm 2023

TỜ TRÌNH

Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025

AN PHÒNG ĐOÀN ĐBQH VÀ HĐND	
TỈNH BẮC GIANG	
Số: 1964	Thực hiện
Ngày: 11/4/2023	
Chuyên: Kỹ thuật	

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Thực hiện quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020; Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT PHẢI BAN HÀNH

Thực hiện Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, trong đó có phê duyệt nội dung hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể nhưng chưa quy định cụ thể mức hỗ trợ.

Ngày 30/12/2021, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 124/2021/TT-BTC về việc hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-UBND ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ. Trong đó tại Điều 9 nội dung hỗ trợ nâng cao năng lực đối với thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể và Điều 10 nội dung hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế quy định: "*Mức chi cụ thể phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối của địa phương*".

Theo thống kê của Liên minh hợp tác xã tỉnh, số cán bộ quản lý hợp tác xã có trình độ trung cấp, sơ cấp và chưa qua đào tạo chiếm khoảng 70%, do vậy các hợp tác xã gặp nhiều khó khăn vướng mắc trong việc tổ chức quản lý điều hành các hoạt động sản xuất kinh doanh. Lực lượng lao động có trình độ cao không

có nhu cầu vào làm việc và gắn bó lâu dài tại các hợp tác xã do chế độ tiền lương thấp, các chế độ chính sách chưa đảm bảo. Vì vậy việc xây dựng và ban hành Nghị quyết quy định về mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025 là cần thiết và đúng quy định.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích:

Nhằm đảm bảo các điều kiện cho việc tổ chức thi hành Luật hợp tác xã, thiết lập khung pháp lý đầy đủ và đồng bộ để thực hiện các chính sách, chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể giai đoạn 2021-2025.

Nghị quyết ban hành tạo cơ sở pháp lý để các cơ quan, đơn vị, các tổ chức kinh tế tập thể thực hiện việc chi hỗ trợ.

2. Quan điểm:

- Đảm bảo các nguyên tắc, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL. Dự thảo Nghị quyết được xây dựng phù hợp với quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 và Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

- Xây dựng mức chi hỗ trợ có tham khảo mức hỗ trợ của một số tỉnh có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng tạo sự hài hòa, thống nhất giữa các địa phương.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Căn cứ quy định của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015, UBND tỉnh đã lập đề nghị xây dựng Nghị quyết và được Thường trực HĐND tỉnh chấp thuận tại Công văn số 109/HĐND-CTHĐND ngày 27/02/2023 về việc chấp thuận xây dựng Nghị quyết quy phạm pháp luật của HĐND tỉnh.

Căn cứ ý kiến chấp thuận của Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính chủ trì tham mưu xây dựng dự thảo Nghị quyết theo đúng quy định về trình tự, thủ tục xây dựng văn bản quy phạm pháp luật. Dự thảo Nghị quyết đã được gửi các sở, ban ngành, UBND các huyện, thành phố và đăng tải lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến. Đã có 10 cơ quan, đơn vị tham gia ý kiến. Trong đó 07 cơ quan, đơn vị nhất trí với dự thảo Nghị quyết. Có 03 cơ quan, đơn vị có ý kiến tham gia, các ý kiến đã được giải trình, tiếp thu theo đúng quy định (Có bảng tổng hợp kèm theo).

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 50/BC-STP ngày 08 tháng 3 năm 2023, được UBND tỉnh thông qua tại phiên họp thường kỳ tháng 3 năm 2023.

Dự thảo Nghị quyết đã được Sở Tư pháp thẩm định tại Báo cáo số 50/BC-STP ngày 08/3/2023, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài chính nghiên cứu tiếp thu ý kiến thẩm định và giải trình cụ thể (*Kèm theo Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định*).

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết gồm 3 Điều: Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng; Điều 2. Mức hỗ trợ và nguồn kinh phí; Điều 3. Điều khoản thi hành.

2. Nội dung cơ bản của dự thảo Nghị quyết

2.1 Quy định về mức hỗ trợ

a) Hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể.

- Hỗ trợ kinh phí ăn, ở cho mỗi học viên bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo (mức lương tối thiểu vùng căn cứ theo khu vực nơi cơ sở đào tạo tổ chức thực hiện việc đào tạo).

- Trường hợp khóa đào tạo có thời gian dưới 01 tháng (26 ngày) thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia khóa đào tạo (Lương tối thiểu vùng x 1,5)/26 x số ngày thực tế tham gia khoá đào tạo.

b) Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể

Hỗ trợ hàng tháng bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng (mức lương tối thiểu vùng căn cứ theo khu vực tổ chức kinh tế tập thể đặt trụ sở chính); tối đa 03 năm/người; tối đa 02 người/tổ chức kinh tế tập thể/năm.

2.2. Cơ sở đề xuất mức hỗ trợ:

Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính quy định mức hỗ trợ tối thiểu bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng

Lương tối thiểu vùng 3: 3.640.000 đồng/tháng

Lương tối thiểu vùng 4: 3.250.000 đồng/tháng

a) Hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể: đề xuất mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 khóa đào tạo, bằng mức tối thiểu quy định tại Thông tư (1,5 lần mức lương tối thiểu vùng 3: 5.460.000 đồng; 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng 4: 4.875.000 đồng).

b) Hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể: đề xuất mức hỗ trợ bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/người/tháng, bằng mức tối thiểu quy định tại Thông tư (1,5 lần mức lương tối thiểu vùng 3: 5.460.000 đồng; 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng 4: 4.875.000 đồng). Tương đương với mức lương bậc 1 của cán bộ, công chức khối cơ quan hành chính.

Với mức hỗ trợ như trên, tổng nguồn lực dự kiến để thực hiện Nghị quyết năm 2023-2025: 7 tỷ đồng (có thuyết minh chi tiết kèm theo).

2.3 Nguồn kinh phí: ngân sách cấp tỉnh.

V. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN XIN Ý KIẾN:

Các quy định trong dự thảo Nghị quyết đều đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, thống nhất và phù hợp với thực tiễn. Các nội dung tại dự thảo Nghị quyết đã được tiếp thu và giải trình, đến nay không có nội dung nào còn có ý kiến khác.

Trên đây là nội dung Tờ trình dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, UBND tỉnh kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

(Kèm theo Tờ trình này: (1) Dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh; (2) Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa – Xã hội, HĐND tỉnh; (3) Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, (4) Tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị, (5) Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp; (6) Thuyết minh nguồn lực dự kiến năm 2023 – 2025)

Nơi nhận:

- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các đại biểu dự kỳ họp HĐND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- VP ĐDBQH&HĐND tỉnh;
- VP UBND tỉnh;
- + LĐVP, TKCT, TPKTTH, TH;
- + Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Thế Tuấn

Số: 50 /BC-STP

Bắc Giang, ngày 08 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 442/STC-HCSN ngày 28/02/2023 của Sở Tài chính về việc thẩm định hồ sơ Dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết nêu trên và các văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh của dự thảo Nghị quyết

Phạm vi điều chỉnh quy định tại khoản 1 Điều 1 dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính bao quát, thống nhất với dự thảo văn bản.

Đối tượng áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo tính thống nhất với nội dung dự thảo văn bản. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 2 quy định đối tượng áp dụng đối với người lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể "...thời điểm về làm việc người lao động phải dưới 35 tuổi" – được hiểu là điều kiện của đối tượng; trong khi đó, qua rà soát các văn bản là cơ sở pháp lý ban hành dự thảo văn bản cho thấy không có quy định về điều kiện này¹. Do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung này để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước

Nội dung dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách của Nhà nước.

3. Về tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất của dự thảo Nghị quyết với hệ thống pháp luật

3.1. Về thẩm quyền ban hành

HDND tỉnh ban hành Nghị quyết này là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1² Điều 27 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015.

3.2. Về nội dung

- Điều 1: như nội dung đã nêu tại mục 1 Báo cáo này.

¹ Dưới 35 tuổi.

² HDND tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên; trường hợp này là quy định chi tiết khoản 1 Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ "Mức chi cụ thể phải được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định phù hợp với khả năng cân đối của địa phương".

- Tên dự thảo Nghị quyết, phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 được hiểu chính sách được thực hiện đến năm 2025; do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định thời điểm hết hiệu lực của văn bản³ để đảm bảo phù hợp, thuận lợi trong công tác rà soát văn bản QPPL.

- Khoản 3 Điều 2: đề nghị làm rõ cụm từ “ngân sách tỉnh⁴” để đảm bảo chính xác nội dung của quy định và phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước.

4. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với văn bản đã giao cho Hội đồng nhân dân quy định chi tiết

Dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với nội dung giao quy định chi tiết tại khoản 1 Điều 9 và Điều 10 Thông tư số 124/2021/TT-BTC⁵.

5. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày

Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo phù hợp với quy định của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP⁶ và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP⁷. Tuy nhiên, đề nghị nghiên cứu, chỉnh sửa:

- Trình bày số thứ tự dự thảo Nghị quyết phù hợp với khoản 2 Điều 39 Nghị định số 34/2016/NĐ-CP.

- Trình bày chính xác tên của văn bản tại căn cứ ban hành thứ 5, 7.

6. Về điều kiện trình UBND tỉnh

- Về trình tự, thủ tục: dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo các bước trong quy trình xây dựng văn bản QPPL theo quy định; tuy nhiên, chưa đảm bảo thời gian đăng tải dự thảo văn bản để lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định tại Điều 120 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015⁸.

- Về nội dung và ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: như nội dung đã nêu tại mục 1, tiểu mục 3.2 mục 3, mục 5 Báo cáo này.

Trên đây là báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, đề nghị Sở Tài chính nghiên cứu, hoàn chỉnh, đảm bảo đầy đủ hồ sơ trình UBND tỉnh theo quy định tại Điều 122 Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2015 - được sửa đổi, bổ sung tại khoản 37 Điều 1 Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản QPPL năm 2020./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở;
- Lưu: VT, VB&QLXLVPHC.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trương Ngọc Bích

³ Xác định cụ thể ngày, tháng, năm có hiệu lực và ngày, tháng, năm hết hiệu lực.

⁴ Ngân sách của tỉnh hay ngân sách cấp tỉnh

⁵ Ngày 30/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Hướng dẫn cơ chế tài chính, quản lý, sử dụng kinh phí Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã giai đoạn 2021-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13 tháng 11 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ

⁶ Ngày 14/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành VBQPPL

⁷ Ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 34/2016/NĐ-CP

⁸ Dự thảo được đăng tải lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh từ ngày 09/02/2023, chưa đảm bảo thời gian là 30 ngày tính đến ngày gửi Sở Tư pháp thẩm định (ngày 28/02/2023) theo quy định.

UBND TỈNH BẮC GIANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bắc Giang, ngày tháng 3 năm 2023

BẢN TỔNG HỢP

Giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân đối với dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025

Đề đảm bảo lấy ý kiến rộng rãi theo quy định, Sở Tài chính đã ban hành Công văn số 304/STC-HCSN ngày 09/02/2023 gửi các cơ quan, đơn vị có liên quan (gồm các Sở, ban ngành: Ủy ban mặt trận tổ quốc tỉnh; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Kế hoạch và Đầu tư; Tư pháp; Liên minh HTX tỉnh; UBND các huyện, thành phố) đề nghị tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025, đồng thời, đề nghị Văn phòng UBND tỉnh đăng tải dự thảo Nghị quyết lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh để lấy ý kiến theo quy định.

Đối với hình thức lấy ý kiến trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh: Dự thảo Nghị quyết đã được đăng tải lấy ý kiến từ ngày 9/2/2023 (địa chỉ đường link: <https://bacgiang.gov.vn/lay-y-kien-du-thao-van-ban>); đến nay không có ý kiến góp ý đối với nội dung dự thảo Nghị quyết.

Đối với hình thức lấy ý kiến bằng văn bản: Sở Tài chính đã nhận được 10 văn bản của các sở, cơ quan, đơn vị và UBND các huyện, thành phố tham gia góp ý. Trong đó, có: 7/10 ý kiến tham gia nhất trí hoàn toàn nội dung dự thảo Nghị quyết); có 3/10 ý kiến góp ý nội dung dự thảo Nghị quyết.

Sở Tài chính đã nghiên cứu và tổng hợp giải trình, tiếp thu những ý kiến góp ý như sau:

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Số Tư pháp	Về nội dung:	Không tiếp thu và lý do	
1					<p>Về nội dung:</p> <p>1) Tên dự thảo Nghị quyết, phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 được hiệu chỉnh sách được thực hiện đến năm 2025; do đó, đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định thời điểm hết hiệu lực của văn bản để đảm bảo phù hợp, thuận lợi trong công tác rà soát văn bản QPPL.</p> <p>2) Đề nghị Sở Tài chính căn cứ tình hình thực tiễn, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, đơn vị có liên quan để tham mưu mức hỗ trợ phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương và đáp ứng nhu cầu thực tiễn trên địa bàn tỉnh.</p>	<p>2) Mức hỗ trợ trong dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở tham khảo mức hỗ trợ của một số tỉnh có điều kiện kinh tế xã hội tương đồng và phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội của tỉnh. Ngoài ra Sở Tài chính đã có văn bản xin ý kiến các ngành cũng như đăng tải trên cổng thông tin điện tử của tỉnh, các ý kiến tham gia đều nhất trí với mức hỗ trợ theo Dự thảo Nghị quyết</p>	<p>1) Nghị quyết của HĐND tỉnh được ban hành để cụ thể hóa các quy định của Trung ương phù hợp với tình hình thực tế của địa phương và được xây dựng trên cơ sở bám theo các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành. Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính không quy định thời điểm Thông tư hết hiệu lực. Do vậy đề nghị không quy định thời điểm Nghị quyết hết hiệu lực, Sở Tài chính sẽ tham mưu văn bản</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
				thay thế, sửa đổi, hoặc bãi bỏ khi có các văn bản hướng dẫn của các bộ, ngành.
		<p>Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày căn cứ ban hành thứ 5, 6 phù hợp với Mục 5 Phần V Phụ lục VI ban hành kèm theo Nghị định số 154/2020/NĐ-CP. Trình bày chính xác tên văn bản của căn cứ ban hành thứ 7 - Điều 2: bỏ dấu kết thúc tên Điều để đảm bảo thống nhất 	<p>Đã tiếp thu và chỉnh sửa</p>	
2	Liên Minh Hợp tác xã tỉnh	<p>1) Về tên gọi NQ bổ sung thêm "<u>của tổ chức</u>" thành: Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động <u>của tổ chức</u> kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025.</p> <p>Tương tự, tại Điều 1, điểm 1. Phạm vi điều chỉnh: Bổ sung thêm "<u>của tổ chức</u>" thành: Nghị quyết này quy định về mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động <u>của tổ chức</u></p>	<p>2) Đã tiếp thu và sắp xếp lại khoản 2, Điều 1 như sau:</p> <p>a) Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể (gọi tắt là thành viên, người lao động kinh tế tập thể).</p> <p>b) Người lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ</p>	<p>1) Đề nghị giữ nguyên tên gọi Nghị quyết như Dự thảo, vì tại phần đối tượng áp dụng cụm từ "thành viên, người lao động kinh tế tập thể" đã được ghi chú là viết tắt thay cho cả cụm từ "Thành viên, người lao động đang</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>Kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025.</p> <p>2) Tại Điều 1, điểm 2. Đối tượng áp dụng: đề nghị bổ sung thêm <u>Quy tín dụng nhân dân</u> vào khái niệm tổ chức kinh tế tập thể; và bỏ phần (gọi tắt là thành viên, người lao động kinh tế tập thể) ở điểm b) vì nêu gọi tắt phải đề ngay từ đầu và sắp xếp lại điểm 2 như sau:</p> <p>“2. Đối tượng áp dụng:</p> <p>a) Thành viên, người lao động đang làm công tác quản lý, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể;</p> <p>b) Người lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể;</p> <p>c) Tổ chức kinh tế tập thể gồm: hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, <u>Quy tín dụng nhân dân</u> hoạt động trên địa bàn tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật.”</p> <p>3) Tại Điều 2, điểm 1. Hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động của tổ chức kinh tế tập</p>	<p>chức kinh tế tập thể.</p> <p>c) Tổ chức kinh tế tập thể gồm: hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoạt động trên địa bàn tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật.</p> <p>4) Đã tiếp thu và bổ sung thêm độ tuổi đối với lao động trẻ: dưới 40 tuổi</p>	<p>làm công tác quản lý, chuyên môn, kỹ thuật, nghiệp vụ của các tổ chức kinh tế tập thể”. Như vậy tên của Dự thảo Nghị quyết vừa đảm bảo ngắn gọn nhưng vẫn dễ hiểu và đầy ý.</p> <p>2) Không bổ sung thêm “Quy tín dụng nhân dân” vào khái niệm tổ chức kinh tế tập thể vì “Quy tín dụng nhân dân” không thuộc đối tượng hỗ trợ quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg và Thông tư số 124/2021/TT-BTC.</p> <p>3) Đề nghị giữ nguyên</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
		<p>thể: Mặc dù viết như Thông tư số 124/2021/TT-BTC, song đề nghị sửa lại cho cụ thể, rõ hơn, thành:</p> <p>Hỗ trợ kinh phí ăn, ở cho mỗi học viên bằng 1,5 lần mức lương tối thiểu vùng/01 tháng và hỗ trợ 01 khóa đào tạo (mức lương tối thiểu vùng căn cứ theo khu vực nơi cơ sở đào tạo tổ chức thực hiện việc đào tạo).</p> <p>4) Đề nghị đưa cụ thể về độ tuổi đối với cán bộ trẻ khi đưa về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể, chẳng hạn không quá 35 tuổi.</p>		<p>nư Dự thảo Nghị quyết đề xuất. vì tại khoản 1, Điều 9 Thông tư số 124/2021/TT-BTC ngày 30/12/2021 của Bộ Tài chính quy định rõ: “<i>hỗ trợ kinh phí ăn ở cho học viên ít nhất bằng 1,5 mức lương tối thiểu vùng/khóa đào tạo</i>”.</p>
3	UBND huyện Yên Thé	<p>1) Tại mục 1, Điều 2 “Trường hợp khóa đào tạo có thời gian dưới 01 tháng (26 ngày) thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia khóa đào tạo” đề nghị xem xét lại nên quy định dưới 1 tháng nhưng tối thiểu bao nhiêu ngày thì được hỗ trợ;</p> <p>2) Hướng dẫn phương pháp xác định số ngày được tính hỗ trợ trong trường hợp ngày đào tạo thực tế vào ngày thứ 7 và chủ nhật.</p>		<p>1) Dự thảo Nghị quyết đã nêu rõ: “Trường hợp khóa đào tạo có thời gian dưới 01 tháng (26 ngày) thì thực hiện hỗ trợ theo số ngày thực tế tham gia khóa đào tạo”. Không quy định “tối</p>

S T T	Cơ quan, địa phương	Nội dung góp ý	Tiếp thu	Không tiếp thu và lý do
				<p><i>thiếu bao nhiêu ngày thì được hỗ trợ" để tạo thuận lợi cho học viên tham gia khóa đào tạo được hưởng chính sách hỗ trợ và cũng phù hợp với quy định tại Quyết định số 1804/QĐ-TTg ngày 13/11/2020 của Thủ tướng Chính phủ; Thông tư số 124/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính. 2) Số ngày được hỗ trợ tính theo số ngày học thực tế, thời gian học do cơ sở đào tạo sắp xếp (có thể học vào ngày thứ 7, chủ nhật)</i></p>

Số: 57 /BC-STC

Bắc Giang, ngày 15 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp đối với dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025

Căn cứ Báo cáo số 50/BC-STP ngày 8/3/2023 của Sở Tư pháp về thẩm định dự thảo Nghị quyết Quy định mức chi hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động kinh tế tập thể và hỗ trợ đưa lao động trẻ về làm việc tại tổ chức kinh tế tập thể trên địa bàn tỉnh Bắc Giang đến năm 2025,

Tại Báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp có nêu một số nội dung cần làm rõ hơn hoặc chỉnh sửa, Sau khi nghiên cứu, Sở Tài chính báo cáo như sau:

1. Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa trong dự thảo Nghị quyết.

2. Về nội dung:

- “Đối tượng áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết cơ bản đảm bảo tính thống nhất với nội dung dự thảo văn bản. Tuy nhiên, tại điểm b khoản 2 quy định đối tượng áp dụng đối với người lao động trẻ tốt nghiệp cao đẳng, đại học, sau đại học về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể “...thời điểm về làm việc người lao động phải dưới 35 tuổi” – được hiểu là điều kiện của đối tượng; trong khi đó, qua rà soát các văn bản là cơ sở pháp lý ban hành dự thảo văn bản cho thấy không có quy định về điều kiện này. Do đó, đề nghị nghiên cứu nội dung này để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật hiện hành”.

Về nội dung này Sở Tài chính giải trình như sau: Mục tiêu của chính sách là thu hút lao động trẻ về làm việc tại các tổ chức kinh tế tập thể, trong các văn bản của Trung ương đều nêu “lao động trẻ”, tuy nhiên không quy định cụ thể độ tuổi của “lao động trẻ”. Vì vậy, cần quy định độ tuổi để các cơ quan tổ chức thực hiện thuận lợi trong việc tuyển dụng lao động, đảm bảo quy định thu hút được “lao động trẻ”. Độ tuổi đề xuất là 40 tuổi, phù hợp với các quy định của trung ương trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch, bổ nhiệm cán bộ.

- Tên dự thảo Nghị quyết, phạm vi điều chỉnh tại khoản 1 Điều 1 được hiểu chính sách được thực hiện đến năm 2025; do đó, đề nghị nghiên cứu bổ

sung quy định thời điểm hết hiệu lực của văn bản để đảm bảo phù hợp, thuận lợi trong công tác rà soát văn bản QPPL.

Về nội dung này Sở Tài chính giải trình như sau: Các văn bản hướng dẫn của Trung ương quy định hỗ trợ theo giai đoạn 2021-2025, tuy nhiên nếu Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh được thông qua vào tháng 7/2023 và lại quy định thời điểm hết hiệu lực là 31/12/2025 như vậy sẽ không đảm bảo đủ thời gian triển khai việc thực hiện hỗ trợ theo giai đoạn (thông thường là 5 năm). Do vậy đề nghị không quy định thời điểm Nghị quyết hết hiệu lực, khi nào văn bản hướng dẫn của Trung ương quy định kéo dài hoặc hết hiệu lực, Sở Tài chính sẽ tham mưu theo quy định.

- Khoản 3 Điều 2: đề nghị làm rõ cụm từ “ngân sách tỉnh” để đảm bảo chính xác nội dung của quy định và phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước.

Sở Tài chính đã tiếp thu và chỉnh sửa thành cụm từ “ngân sách cấp tỉnh”

Vậy, Sở Tài chính trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- GD, PGD (Đ/c Linh);
- Lưu VT, TC-HCSN_{T.hào}.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Đình Hiếu

THUYẾT MINH NGUỒN LỰC DỰ KIẾN NĂM 2023-2025

1. Hỗ trợ lao động trẻ về làm việc tại HTX.

Hiện nay, toàn tỉnh có 867 HTX đang hoạt động, trong đó có 644 HTX nông nghiệp còn lại là các HTX phi nông nghiệp và các Quỹ tín dụng nhân dân. Tuy nhiên, chỉ 7-10% số HTX này có thuê cán bộ trẻ (độ tuổi dưới 40) về làm việc thường xuyên, còn lại là làm việc bán thời gian hoặc kiêm nhiệm (không thuộc đối tượng).

Bình quân mỗi năm có khoảng 30 HTX mới được thành lập và lũy kế tổng số HTX có nhu cầu hỗ trợ lao động trẻ (cả số cũ và số HTX mới thành lập) tăng lên 10 HTX. Như vậy, dự kiến nhu cầu hỗ trợ lao động trẻ giai đoạn 2023-2025, như sau:

	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
Số Người	30 (8 tháng)	40 (12 tháng)	50 (12 tháng)	
Kinh phí dự kiến (đồng)	1.240.000.000	2.480.000.000	3.100.000.000	6.820.000.000

2. Hỗ trợ đào tạo đối với thành viên, người lao động kinh tế tập thể

Căn cứ Quyết định số 1802/QĐ-UBND ngày 25/8/2021 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể, HTX tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2021-2025, xác định mỗi năm hỗ trợ 5 người tham gia đào tạo, tương ứng khoảng 0,5% tổng số HTX nông nghiệp.

Bình quân mỗi năm có khoảng 30 HTX mới được thành lập, bên cạnh đó do nhu cầu phát triển nâng cao trình độ để phù hợp với xu thế và yêu cầu ngày càng cao của thị trường nên lũy kế tổng số HTX có nhu cầu đào tạo thành viên, người lao động (cả số cũ và số HTX mới thành lập) tăng lên 05 HTX/năm. Như vậy, dự kiến nhu cầu hỗ trợ đào tạo giai đoạn 2023-2025, như sau:

	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Tổng cộng
Số người	10 (8 tháng)	15 (12 tháng)	20 (12 tháng)	
Kinh phí dự kiến (đồng)	41.336.000	77.512.000	103.350.000	222.198.000

